TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/DS-PT
Ngày: 24-01-2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/01/2024 và ngày 24/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/2023/TLPT-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 473/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Quốc K, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà D, Tổ A, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà B, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T: Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965 (Có mặt); Địa chỉ: Số nhà D, đường T, Tổ C, Khóm D, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày: Ông K và ông Nguyễn Hữu T có quen biết nhau trong giao dịch làm ăn mua bán và cũng có mượn tiền qua lại với nhau nhiều lần. Ngày 25/6/2019, ông K có cho ông T mượn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dùng để mua xe tải và hẹn 01 tháng (30 ngày) sau sẽ trả lại. Do chỗ quen biết lâu năm nên khi cho ông T mượn tiền, ông K đã tin tưởng không yêu cầu ông T làm biên nhận. Nhưng từ khi mượn tiền xong, ông T không thực hiện lời hứa trả tiền lại cho ông K. Sau 30 ngày, ông K đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông T trả lại số tiền nói trên, nhưng ông T có hứa khi nào có tiền sẽ trả lại và cứ hứa mãi suốt hơn 3 năm rồi không thấy trả đồng nào. Đến ngày 04/01/2022, ông K điện thoại đòi tiền thì ông T nói ngang là hiện giờ không có tiền trả, muốn làm gì thì làm (*gửi kèm ghi âm điện thoại giữa ông K và ông T, được Thừa phát lại chứng nhận*).

Nay ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T trả lại cho ông K số tiền ông T đã mượn của ông K là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Quốc K không thống nhất theo yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Hữu T buộc ông trả nợ gốc vay 50.000.000 đồng và nợ lãi 21.000.000 đồng. Vì việc ông K vay ông T số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/02/2019 thì ông K đã trả xong cho ông T rồi, mà chỉ có ông T nợ ông K số tiền 100.000.000 đồng theo nội dung khởi kiện của ông K như nêu trên.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu T ủy quyền cho ông Dương Hoàng V trình bày: Ngày 25/02/2019, ông Nguyễn Quốc K có vay ông Nguyễn Hữu T số tiền là 50.000.000 đồng, việc vay tiền có làm biên nhận. Đến nay, ông K chưa trả tiền cho ông T, mặc dù ông T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông K không trả mà còn kiện ngược lại cho rằng ông T vay của ông K số tiền 100.000.000 đồng để mua xe tải, ông T không có vay tiền của ông K.

Tại đơn khởi kiện (phản tố), ông T yêu cầu ông Nguyễn Quốc K trả lại cho ông T số tiền ông K đã vay của ông T là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 25/02/2019 đến ngày 25/4/2023 là 50 tháng, cụ thể như sau: 50.000.000 đồng x 50 tháng x 0,84%/tháng = 21.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 71.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Dương Hoàng V đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày: Biên nhận ngày 25/02/2019 không thể hiện lãi suất và thời hạn vay nhưng thực tế ông T và ông K có thỏa thuận bằng lời nói là cho vay lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Đến khi ông T khởi kiện thì thời hạn khởi kiện đã hết nên ông T chỉ yêu cầu ông K trả tiền vốn là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K.

Buộc ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc K số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện (phản tố) của ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Quốc K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông K trả số tiền lãi là 21.000.000 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012400 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy ông T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng.

Ông Nguyễn Quốc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012080 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy ông K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 30/8/2023 bị đơn ông Nguyễn Hữu T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (viết tắt là bản án sơ thẩm). Ông T không đồng ý về việc ghi âm của ông Nguyễn Quốc K, nội dung ghi âm ông T không thừa nhận có vay nợ của ông K vì ông T không có nói ngày tháng năm vay. Hơn nữa việc ông K ghi âm không có sự đồng ý của ông T nên nội dung ghi âm không có giá trị và không có căn cứ chứng minh ông T có nợ ông K số tiền như ông K yêu cầu. Mượn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là phải có biên nhận. Ông T yêu cầu tính lãi đối với số tiền 21.000.000 đồng kể từ ngày 25/02/2019 đến ngày 25/4/2023 là 50 tháng với lãi suất là 0,84%/tháng thành tiền là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Dương Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Hữu T, buộc ông K trả số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và lãi là 21.000.000 đồng. Bởi các căn cứ như: Trong đoạn file ghi âm do ông K cung cấp cho Tòa án không thể hiện ngày tháng năm và địa điểm ông T vay tiền của ông K. Số tiền 100.000.000 đồng là số tiền lớn nhưng ông T không làm biên nhận trong khi ông K vay 50.000.000 đồng của ông T lại làm biên nhận ngày 25/02/2019, cho thấy ông T không có vay số tiền 100.000.000 đồng để mua xe tải như ông K trình bày. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông K trình bày ông K vay ông T 50.000.000 đồng thỏa thuận 03 ngày trả lại tiền, nên có căn cứ để yêu cầu ông K trả tiền lãi vay theo yêu cầu của ông T.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày: Không thống nhất toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi vì, ông T có nợ tiền vay của ông K, nên ông K mới đi đòi tiền và ghi âm lại lời thừa nhận của ông T nợ ông K 100.000.000 đồng, thời điểm ông K cho ông T vay tiền do thấy ông T lớn tuổi, thân thiết và là người cùng xóm nên tin tưởng không yêu cầu ông T viết biên nhận. Việc ghi âm không thông báo cho ông T hay (biết) mới ghi âm được việc ông T hứa trả nợ, mới có cơ sở chứng cứ khởi kiện ông T được. Việc ông K trình bày 03 ngày đã trả nợ vay 50.000.000 đồng cho ông T theo biên nhận ngày 25/02/2019, chứ các bên không có thỏa thuận vay 03 ngày, khi vay chỉ nói "mượn" tức vay không có tính lãi và không xác định thời hạn trả, nên không thống nhất trả lãi theo yêu cầu của ông T, do tin tưởng nên khi trả tiền anh K không có lấy biên nhận lại để xé bỏ hay yêu cầu ông T viết biên nhận nhận tiền. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm ông Dương Hoàng V đại diện cho ông T đã rút lại yêu cầu tính lãi, nên Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử yêu cầu này của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án dân sự ngày 24/01/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Hữu T không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông T nộp đơn kháng cáo vào ngày 30/8/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K cho rằng ngày 25/6/2019, ông K có cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T mượn số tiền là 100.000.000 đồng dùng để mua xe tải và hẹn 01 tháng (30 ngày) sau sẽ trả lại, do chỗ quen biết lâu năm nên ông K tin tưởng không yêu cầu ông T làm biên nhận, nhưng từ khi mượn tiền xong, ông T không thực hiện lời hứa trả tiền lại cho ông K, nên yêu cầu ông T trả lại số tiền đã mượn là 100.000.000 đồng. Còn ông T cho rằng ngày 25/02/2019, ông K có vay ông T số tiền là 50.000.000 đồng, việc vay tiền có làm biên nhận nhưng đến nay ông K chưa trả tiền cho ông T, mặc dù ông T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông K không trả mà còn kiện ngược lại cho rằng ông T vay của ông K số tiền 100.000.000 đồng để mua xe tải, ông T không có vay tiền của ông K, nên yêu cầu ông K trả lại số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 21.000.000 đồng. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho ông K số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T buộc ông K có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, đồng thời đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông K trả số tiền lãi là 21.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ:

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Dương Hoàng V đại diện theo ủy quyền của ông T cũng thừa nhận cuối năm 2022, ông T và ông V có nghe file ghi âm do ông K cung cấp, ông T thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm trên là giọng nói của ông T và thừa nhận có thiếu ông K số tiền 100.000.000 đồng nhưng đây là một trong những số tiền vay trước đây, hai bên đều đã thanh toán xong và việc ông K ghi âm không hỏi ý kiến của ông T thì đoạn ghi âm trên không hợp pháp, nên ông T không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông K. Xét thấy, Vi bằng số 1053/2022/VB-TPL ngày 14/12/2022 giữa người yêu cầu là ông Nguyễn Quốc K với Văn phòng T1 do thừa phát lại Nguyễn Văn P thực hiện, thể hiện nội dung file ghi âm có hai giọng nói của hai người nam, ông K và ông V đại diện theo ủy quyền của ông T xác định giọng nam thứ nhất là của ông Nguyễn Hữu T và giọng

nam thứ hai là ông Nguyễn Quốc K, theo đó ông K nhắc đòi ông T số tiền vay 100.000.000 đồng mà ông T đã vay của ông K trước đó, ông T thừa nhận có thiếu ông K số tiền trên nhưng do gia đình ông K đến đòi tiền gia đình ông T nên ông T giận không trả. Ngoài ra, ông T còn cho rằng do ông T cho người khác vay tiền nhưng bị người đó giật không trả và ông T chơi thua cờ bạc nên không có tiền trả cho ông K và hứa khi nào lấy tiền tại cơ quan Thi hành án sẽ trả. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V đại diện theo ủy quyền cho ông tại cũng thừa nhận ông T nợ ông K số tiền 100.000.000 đồng nhưng là tiền vay để cờ bạc (đánh bạc), tuy nhiên ông V cũng như ông Tại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được ông T vay của ông K 100.000.000 đồng là dùng vào mục đích đánh bạc. Cho nên, có căn cứ chứng minh ông T có thiếu nợ ông K số tiền 100.000.000 đồng, việc ông V cho rằng ông T đã trả số tiền này cho ông K rồi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và việc này cũng không được ông K thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông K số tiền vốn vay 100.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T. Xét thấy, ông K thừa nhận có vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 25/02/2019 và ông K đã trả nợ cho ông T xong, ông T không thừa nhận việc ông K đã trả lại tiền, đồng thời ông K cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả lại cho ông T số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông T, buộc ông K có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn vay 50.000.000 đồng là có cơ sở. Đối với tiền lãi, theo đơn khởi kiện (phản tố), ông T yêu cầu ông K trả cho ông tiền lãi từ ngày 25/02/2019 đến ngày 25/4/2023 là 50 tháng, lãi suất 0,84%/tháng, thành tiền là 21.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V đại diện theo ủy quyền của ông T đã tự nguyện không yêu cầu ông K trả tiền lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng và đã rút yêu cầu này (Được thể hiện tại dòng 37 từ trên xuống của trang 5 Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông K trả số tiền lãi 21.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông V đại diện cho ông T là không có đủ căn cứ, đồng thời ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T không được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 1 Điều 147, Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 244, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K.

Buộc ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc K số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện (phản tố) của ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Quốc K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông K trả số tiền lãi là 21.000.000 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012400 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy ông T còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quốc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012080 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy ông K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006860, ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi